

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày 27-02-2023

V/v tranh chấp hợp đồng hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Trang Phụng.

Ông Hứa Trọng Nhơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST - DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST – DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp KT, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

- Bị đơn:

+ Ông Lê Ngọc Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp KT, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

+ Bà Trần Thị Mai T, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp KT, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà có tham gia 02 dây hội do bà T và ông Đ làm chủ đầu thảo. Đến ngày 15/4/2011 ả chủ hội tuyên bố đình hội. Sau khi đình hội thì hai bên thỏa thuận tính toán các dây hội như sau:

+ Hội 300.000đ khai ngày 15/02/2009 âm lịch, gồm 66 chân, một tháng khai 02 lần, bà chơi 02 chân và đã hốt. Dây này bà có trách nhiệm đóng hội chết lại cho chủ hội số tiền 4.200.000 đồng (07 lần x 2 chân x 300.000 đồng).

+ Hụi 300.000đ khui ngày 30/3/2011 âm lịch, gồm 70 chân, một tháng khui 02 lần, bà chơi 09 chân và đã góp 28 kỳ x 09 chân x 300.000 đồng = 75.600.000 đồng.

Hai bên thống nhất đối trừ nghĩa vụ cho nhau thì vợ chồng bà T có trách nhiệm trả cho bà B 71.400.000 đồng

Do vợ chồng bà T không trả nợ, nên bà có đơn yêu cầu đến tổ hòa giải của ấp giải quyết ngày 25/01/2021 thì vợ chồng bà T có trả một số, còn lại 53.000.000 đồng, sau đó có trả thêm 6.500.000 đồng, hiện nay còn nợ lại 46.500.000 đồng và khởi kiện yêu cầu trả lại.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 03/02/2023 và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Mai T trình bày:* Bà thừa nhận nội dung bà B khởi kiện đòi tiền hụi nêu trên là đúng sự thật. Khi hòa giải tại ấp thì bà có trả một số, hiện nay còn nợ bà B là 46.500.000 đồng và đồng ý trả 46.500.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần. Hụi do bà làm và quản lý toàn bộ, chồng bà là ông Lê Ngọc Đ chỉ có cho bà mở hụi làm chủ đầu thảo nhưng không liên quan trong việc nợ hụi này.

- Bị đơn ông Lê Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét việc vắng mặt của ông Đ được Tòa án tổng đạt họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là đúng quy định.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà B và bà T trình bày phù hợp với nhau về việc bà B tham gia 02 dây hụi 300.000 đồng do bà T làm chủ đầu thảo. Đến khi đình hụi thì giữa bà B và bà T chốt nợ, bà T nợ bà B tổng số tiền 71.400.000 đồng. Thời gian sau bà T có trả một phần và còn nợ bà B 46.500.000 đồng. Như vậy, bà T và bà B thống nhất hiện nay bà T nợ bà B số tiền hụi 46.500.000 đồng, đây là chứng cứ kết sổ giữa bà B và bà T tại thời điểm xét xử, bà T đã vi phạm thỏa thuận nên bà B kiện đòi lại là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Thực tế mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ bình thường, đang tồn tại, kinh tế vẫn sử dụng chung trong gia đình. Trong khi đó, bà T thừa nhận mục đích mở hụi làm chủ đầu thảo hưởng tiền huê hồng nhằm mục đích trang trải sinh hoạt cuộc sống trong gia đình, ông Đ biết và đồng ý cho bà T mở hụi làm chủ đầu thảo. Xét thấy, số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân do bà T giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình thì vợ chồng cùng có nghĩa vụ chung, ông Đ là chồng bà T phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà B là có căn cứ.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bà T và ông Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật số tiền 2.325.000 đồng (46.500.000 đồng đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ, họ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B đòi tiền nợ hui đối với bà T và ông Đ số tiền 46.500.000 đồng. Buộc bà Trần Thị Mai T và ông Lê Ngọc Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà T và ông Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự bà Trần Thị Mai T và ông Lê Ngọc Đ phải chịu 2.325.000 đồng (chưa nộp). Bà B không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả lại cho bà B số tiền 1.785.000 đồng dự nộp tại biên lai số 0015949 ngày 13/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên

